

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2023/DS-ST
Ngày: 29-11-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản, hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lâm Thị Loan Em.

Ông Ngô Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2023, về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh ngày 12/12/1968. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn C, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2022, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Bà T và ông C có mua vật tư nông nghiệp của bà N để canh tác lúa của gia đình, lúc mua bán hai bên chỉ thỏa thuận miệng, bán nợ, khi thu hoạch lúa là thanh toán, sau thu hoạch lúa sẽ tính lãi suất 2%/tháng. Tính đến ngày 11/3/2018 còn nợ tổng cộng 74.000.000 đồng. Vợ chồng bà T có đến xin nợ lại và hẹn đi làm thuê kiếm tiền về trả nợ, nhưng từ khi đi làm thuê đến nay đã nhiều năm mà bà T và ông C không trả tiền.

Về khoản nợ tiền vay, bà T và ông C vay của bà N 02 lần, ngày 15/3/2018 vay 20.000.000 đồng, ngày 25/3/2018 vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 3%/tháng, thỏa thuận khoảng một vụ lúa sẽ trả vốn, lãi sẽ đóng mỗi tháng, từ khi vay đến nay không có đóng lãi, cũng không trả vốn, khi vay tiền có nói để cất nhà, sau đó bà T, ông C có cất nhà.

Bà T có ký giấy nợ, lúc mua phân bón, vay tiền là ông C đều biết, vợ chồng sống chung, cùng canh tác lúa.

Bà T và ông C cùng đi làm thuê ở thành phố, thỉnh thoảng có về, gần đây nhất là vào tháng 12/2022 bà T về bán đất nhưng không trả tiền nợ nên bà N làm đơn kiện ra Tòa.

Nay bà N chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T và ông C trả tiền vốn nợ tổng cộng 114.000.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C không có cung cấp lời khai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại Tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà Lê Thị Ngọc T và ông Lê Văn C vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T và ông C.

[2] Bà Phạm Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Ngọc T và ông Lê Văn C trả số tiền mua vật tư nông nghiệp, tiền vay tổng cộng là 114.000.000 đồng. Bà T và ông C không có ý kiến phản hồi. Căn cứ kết luận giám định chữ viết, chữ ký từ “Thu” trên giấy ký nhận nợ do bà N xuất trình, có cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận bà T có nợ tiền bà N và ký nhận trên giấy nợ do bà N xuất trình là đúng sự thật. Điều 440, Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định bên mua, bên vay phải có nghĩa vụ trả tiền

theo đúng thoả thuận. Khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định vợ, chồng có nghĩa vụ chung về tài sản do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Tổng số tiền nợ 114.000.000 đồng do mua vật tư nông nghiệp và tiền vay là để phục vụ cho nhu cầu gia đình, đến nay bà T, ông C vẫn chưa thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà T và ông C phải có nghĩa vụ trả số tiền như trên.

[3] Về chi phí giám định: Tổng số tiền chi phí giám định là 2.780.000 đồng, bà Lê Thị Ngọc T, ông Lê Văn C cùng có nghĩa vụ nộp, sau khi bà T, ông C nộp thì hoàn trả cho bà N do bà N đã nộp tạm ứng trước.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà N được Toà án chấp nhận nên bà T và ông C phải có nghĩa vụ chịu án phí.

[5] Ý kiến đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên toà là đúng quy định pháp luật, Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 27, Khoản 1, 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”

Buộc bà Lê Thị Ngọc T và ông Lê Văn C cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị N số tiền tổng cộng là 114.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Về chi phí giám định: Bà Lê Thị Ngọc T và ông Lê Văn C cùng liên đới chịu số tiền chi phí giám định là 2.780.000 đồng. Sau khi bà T, ông C nộp thì hoàn trả cho bà N do bà N đã nộp tạm ứng trước.

Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc T và ông Lê Văn C cùng liên đới chịu số tiền án phí là 5.700.000 đồng. Bà Phạm Thị N được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.850.000 đồng, theo biên lai thu số 0008066 ngày 21/3/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Bích Phượng